

Biên Hòa, ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Số: 268/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 402/2018/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1984
HKTT: 26/85, KP12, phường H, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: 93/81/17B, KP8, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976
HKTT: 26/85, KP12, phường H, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: 6/34B, KP5, P. H, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đinh Thị Tuyết M và ông Nguyễn Quốc D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 96/KH/TP quyền số 01/2008 ngày 11/04/2008 của Ủy ban nhân dân phường H, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Tuyết M và ông Nguyễn Quốc D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung. Giao hai con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 28/3/2009 và Nguyễn Chí V, sinh ngày 19/3/2012 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi

tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), (mỗi cháu 3.000.000đ/tháng) kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông D không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có.

3. Án phí HNGĐ-ST: Bà Đinh Thị Tuyết M tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 006399 ngày 12/02/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

Trần Văn Hùng